

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/KDTM-ST
Ngày: 13/6/2019
V/v: “Tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Loan Trần Hải Yến

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thiều Thị Phi Loan

2. Bà Trần Thị Hồng Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa – tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2018/TLST-KDTM ngày 12 tháng 9 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXXST-KDTM ngày 23 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 164/2019/QĐST-KDTM ngày 22/5/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn P.

Địa chỉ: 350/2, Nguyễn Trọng Tuyển, phường 2, Quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Võ Hy K – Giám đốc.

Đại diện ủy quyền nguyên đơn: Ông Cao Ngọc S – sinh năm 1989.

Địa chỉ: 210/1A, Hồ Văn Huê, phường 9, Quận N, thành phố Hồ Chí Minh. (Theo văn bản ủy quyền ngày 31/12/2017)

2. Bị đơn: Công ty cổ phần B.

Địa chỉ: Đường 1A, khu công nghiệp B 1, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn S – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

(Ông S có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/6/2018, ngày 22/8/2018, tại bản tự khai và trong quá trình xét xử đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông Cao Ngọc S trình bày:

Giữa Công ty trách nhiệm hạn P và Công ty cổ phần B có ký kết hợp đồng kinh tế số 07/PLH-KDXM-BTBIENHOA/01/HĐKT ngày 12/01/2012 mua bán Xi măng Xá Hạ Long; số lượng là 1.000 tấn; đơn giá là 1.500.000 đồng/tấn, địa điểm giao hàng là Công ty cổ phần B, khu công nghiệp Biên Hòa 1 và số lượng 200 tấn, đơn giá 1.500.000 đồng/tấn, địa điểm giao hàng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên C, địa chỉ KCN Nhứt Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Phương thức thực hiện: Bên mua thông báo đơn đặt hàng bằng văn bản nêu rõ số lượng, quy cách, chủng loại hàng hóa, điều kiện giao nhận, thời gian giao nhận, người đại diện nhận hàng chậm nhất là trước 01 ngày. Trên cơ sở khả năng cung cấp, bên bán sẽ xác nhận giao hàng.

Phương thức giao nhận: Trọng lượng được tính theo phiếu xuất kho hoặc phiếu cân của nhà sản xuất.

Thời gian giao hàng, bên mua cử nhân viên đại diện trực tiếp nhận hàng và ký nhận các biên bản giao nhận xác định số lượng của từng mặt hàng để làm cơ sở thanh toán tại địa điểm giao hàng.

Phương thức thanh toán: Bên mua thanh toán cho bên bán 100% giá trị hàng hóa thực nhận trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bên mua nhận được hàng. Trường hợp bên mua chậm thanh toán thì phải trả thêm lãi suất vay của các ngân hàng cho số tiền chậm thanh toán, nhưng việc thanh toán không được chậm quá 05 ngày kể từ ngày đến hạn. Nếu chậm thanh toán bên mua phải trả lãi theo lãi suất phạt quá hạn của Ngân hàng mà bên bán có giao dịch cộng với các chi phí khác.

Thực hiện hợp đồng công ty đã bán cho Công ty cổ phần B tổng cộng 1.558,54 tấn xi măng. Tổng số tiền là 2.571.591.000 đồng, Công ty cổ phần B đã thanh toán được số tiền 1.689.689.000 đồng. Theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2016 giữa công ty TNHH P và Công ty cổ phần B thì Công ty cổ phần B còn nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn P số tiền gốc là 881.902.000 đồng.

Nay Công ty trách nhiệm hữu hạn P khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần B phải thanh toán cho công ty số tiền nợ gốc là 881.902.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 12/02/2012 đến ngày 22/5/2019 là 1.398.715.778 đồng. Tổng cộng là 2.280.617.778 đồng.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định, bị đơn thực hiện không đúng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Võ Hy K – đại diện theo pháp luật Công ty trách nhiệm hữu hạn P ủy quyền cho ông Cao Ngọc S tham gia tố tụng thủ tục ủy quyền là đúng quy định pháp luật.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật cho bị đơn. Quá trình làm việc bị đơn đều vắng mặt. Tại phiên tòa sơ thẩm ông Đào Văn S là nhân viên Công ty cổ phần B có đến phiên tòa và cung cấp giấy ủy quyền số 017/TB-BCC ngày 03/6/2019, tuy nhiên nội dung ủy quyền không đúng quy định pháp luật nên không được chấp nhận. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Công ty trách nhiệm hữu hạn P khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần B thanh toán tiền còn nợ đối với hợp đồng mua bán số 07/PLH-KDXM-BTBIENHOA/01/HĐKT ngày 12/01/2012, nên được xác định là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xét thấy:

Theo nguyên đơn trình bày giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn P và Công ty cổ phần B ký kết hợp đồng kinh tế số 07/PLH-KDXM-BTBIENHOA/01/HĐKT ngày 12/01/2012 mua bán Xi măng Xá Hạ Long; số lượng là 1.000 tấn; đơn giá là 1.500.000 đồng/tấn, địa điểm giao hàng là Công ty cổ phần B, khu công nghiệp Biên Hòa 1 và số lượng 200 tấn, đơn giá 1.500.000 đồng/tấn, địa điểm giao hàng là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên C, địa chỉ KCN Nhứt Chánh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Thực hiện hợp đồng Công ty trách nhiệm hữu hạn P đã bán cho Công ty cổ phần B tổng cộng 1.558,54 tấn xi măng. Tổng số tiền là 2.571.591.000 đồng, Công ty cổ phần B đã thanh toán được số tiền 1.689.689.000 đồng. Theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2016 giữa công ty TNHH P và Công ty cổ phần B thì Công ty cổ phần B còn nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn P số tiền gốc là 881.902.000 đồng. Nhưng cho đến nay Công ty cổ phần B vẫn không thực hiện việc thanh toán hết số nợ cho Công ty trách nhiệm hữu hạn P.

Nay Công ty trách nhiệm hữu hạn P khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần B thanh toán số tiền mua hàng hóa còn nợ là 881.902.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 12/02/2012 đến ngày 22/5/2019 là 1.398.715.778 đồng. Tổng cộng là 2.280.617.778 đồng.

Quá trình Tòa thụ lý giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt cho thấy bị đơn đã từ bỏ quyền tự chứng minh và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nên Hội đồng xét xử chỉ căn cứ trên chứng cứ của nguyên đơn cung cấp để giải quyết.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn P và Công ty cổ phần B mua bán hàng hóa với nhau là có thật, tuy nhiên quá trình thanh toán tiền hàng Công ty cổ phần B đã không thực hiện đúng như cam kết, theo bảng đối chiếu công nợ ngày 31/12/2016 giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn P và Công ty cổ phần B thì Công ty cổ phần B còn nợ Công ty trách nhiệm hữu hạn P số tiền 881.902.000 đồng. Do đó việc Công ty trách nhiệm hữu hạn P khởi kiện Công ty cổ phần B thanh toán số tiền còn nợ là 881.902.000đ và tiền lãi tính từ ngày 12/02/2012 đến ngày 22/5/2019 là 1.398.715.778 đồng. Tổng cộng là 2.280.617.778 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Do đó buộc Công ty cổ phần B có trách nhiệm thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn P tổng cộng số tiền là 2.280.617.778 đồng (trong đó tiền gốc là 881.902.000 đồng và tiền lãi là 1.398.715.778 đồng).

[4] Về án phí: Công ty cổ phần B phải chịu 77.612.356 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn P số tiền 38.088.000 đồng tạm ứng án án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp.

[5] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa tại phiên tòa là phù hợp nhận định Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 428, Điều 431, Điều 432, Điều 438 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 468, Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty trách nhiệm hữu hạn P đối với Công ty cổ phần B về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Buộc Công ty cổ phần B phải thanh toán cho Công ty trách nhiệm hữu hạn P tổng cộng số tiền là 2.280.617.778 đồng (Hai tỷ hai trăm tám mươi triệu sáu trăm mười bảy nghìn bảy trăm bảy mươi tám đồng). Trong đó tiền gốc là 881.902.000 đồng (Tám trăm tám mươi một triệu chín trăm lẻ hai nghìn đồng) và tiền lãi là

1.398.715.778 đồng (Một tỷ ba trăm chín mươi tám triệu bảy trăm mười lăm nghìn bảy trăm bảy mươi tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 14/6/2019) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Công ty cổ phần B phải chịu 77.612.356 đồng (Bảy mươi bảy triệu sáu trăm mười hai nghìn ba trăm năm mươi sáu đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty trách nhiệm hữu hạn P số tiền 38.088.000 đồng (Ba mươi tám triệu không trăm tám mươi tám nghìn đồng) tạm ứng án án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 009017 ngày 22/08/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng Công ty cổ phần B vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP.Biên Hòa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Loan Trần Hải Yến